

Bản án số: 10/2022/HS-ST  
Ngày: 14-12-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Đình H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phạm Văn T  
2. Ông Trịnh Quyết Th

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Phương Th - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

- **Đại diện VKSND huyện Tuần G, tỉnh Điện B tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn M - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2022, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tuần G, tỉnh Điện B và điểm cầu thành phần nhà tạm giữ Công an huyện Tuần G Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 14/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G đối với bị cáo:

**1. Họ và tên:** Lường Văn L; tên gọi khác: Không; giới tính Nam, sinh năm 1996 tại huyện Tuần G, tỉnh Điện B; nơi cư trú: Bản T, xã Quài N, huyện Tuần G, tỉnh Điện B; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 6; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn Kh, sinh năm 1961; con bà Lò Thị L, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án: (Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc G xử phạt 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 48/2019/HSST ngày 02/7/2019, đến ngày 15/12/2019 chấp hành xong; ngày 17/12/2021 bị Tòa án nhân dân Thành Phố Bắc G, tỉnh Bắc G xử phạt 07 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 223/2021/HS-ST); ngày 06/6/2022 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống); tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa được xóa án tích; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 đến ngày xét xử, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị hại:** Chị Lò Thị L - Sinh năm 1980.

Trú tại: Bản C, xã Quài N, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Lò Văn T - Sinh năm 1976

Trú tại: Bản Lé X, xã Quài T, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

- Chị Lò Thị T - Sinh năm 1977

Trú tại: Bản Lé X, xã Quài T, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt có lý do.

**4. Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước của Trung tâm trợ giúp pháp lý, có mặt bào chữa cho bị cáo.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 19/9/2022, Lường Văn L đi bộ từ bản C, xã Quài C, huyện Tuần G, lên xã Quài N, huyện Tuần G. Khi đi đến dốc bản C, xã Quài N, L nhìn thấy một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vave, biển kiểm soát 27 Z1-221.12 của chị Lò Thị L, sinh năm 1980, trú tại bản C, xã Quài N, huyện Tuần G đang dựng ở lề đường bên trái theo hướng Tuần G - Minh Th, L thấy chìa khóa còn cắm trên ổ khóa. Quan sát xung quanh không có ai nên L nảy sinh ý định trộm cắp xe máy bán lấy tiền, L lên xe bật chìa khóa và điều khiển xe máy theo hướng Quài T. Khi đến bản Lé X, xã Quài T do xe hết xăng nên L vào nhà Lò Văn T, sinh năm 1976 có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1977 trú tại bản Lé X, L vay của anh T 500.000 đồng và để chiếc xe máy để làm tin sau đó đi về nhà. Đến ngày 21/9/2022 bị cáo ra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần G để đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐGTS ngày 23/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Hon da Wave, màu sơn đỏ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 27Z1-221.12 có giá trị là 8.000.000 (*Tám triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố: Vì mục đích muốn có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của gia đình chị Lò Thị L có giá trị là 8.000.000 đồng .

Lời khai của bị hại chị Lò Thị L tại cơ quan điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Chị giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra: Do sơ hở trong công tác quản lý tài sản nên vào ngày 19/9/2022 gia đình chị đã bị mất trộm chiếc xe máy có giá trị là 8.000.000 đồng, chiếc xe máy chị đã được trả lại, chị không yêu cầu gì về dân sự. Về trách nhiệm hình sự chị đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn T và Lò Thị T tại đơn xin xét xử vắng mặt: Anh T và chị T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, anh T, chị T không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản nên cho L gửi xe máy và cho L vay số tiền 500.000 đồng, anh T, chị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số: 116/CT-VKS -TG ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G đã truy tố bị cáo Lường Văn L về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G giữ quyền công tố luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lường Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận việc bị hại chị Lò Thị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T, chị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã vay.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo thuộc diện được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình, nhờ người bào chữa, bào chữa cho bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa: Nhất trí với bản Cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 2 khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo. Tuy nhiên người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với lý do bố bị cáo là ông Lường Văn Kh được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang do có thành tích 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng công an nhân dân. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét thêm các tình tiết về nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo để áp dụng mức thấp nhất có thể của khung hình phạt. Bị cáo không bổ sung gì vào lời bào chữa.

Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo bị truy tố: Khoảng 13 giờ, ngày 19/9/2022, tại bản C, xã Quài N, huyện Tuần G, Lường Văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy biển kiểm soát 27Z1-221.12 có giá trị là 8.000.000 (*Tám triệu đồng*) của gia đình chị Lò Thị L, mục đích để tiêu sài cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng: Đơn trình báo (BL 02); Biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú (BL 04); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật,

tài liệu (BL 84); Biên bản ghi lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh kèm theo; sơ đồ hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Từ những phân tích trên, HĐXX khẳng định, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bị cáo đã trộm cắp tài sản của gia đình bị hại chị Lò Thị L có giá trị theo định giá là 8000.000 đồng nên hành vi của bị cáo thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Lương Văn L sinh ra và lớn lên tại huyện Tuần G, tỉnh Điện B. Bị cáo có 02 tiền án: Năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc G xử phạt 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 48/2019/HSST ngày 02/7/2019, đến ngày 15/12/2019 chấp hành xong hình phạt. Khi chưa được xóa án tích đến ngày 06/11/2021 bị Công an thành phố Bắc G bắt và 17/12/2021, bị Tòa án nhân dân Thành Phố Bắc G, tỉnh Bắc G xử phạt 07 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 223/2021/HS-ST, ngày 06/6/2022 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã hai lần phải chấp hành án đã không tu dưỡng rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp có tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngày 21/9/2022 bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa người bào chữa xuất trình Huy chương chiến sĩ về vang ông Lương Văn Kh của bố bị cáo và đề nghị Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Huy chương chiến sĩ về vang được nhà nước cấp cho ông Kh không thuộc trường hợp là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

HĐXX xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để lần nữa cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần được chấp nhận, đề nghị của người bào chữa về áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 như phân tích trên không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo: Bị hại là chị Lò Thị L đã được cơ quan cảnh sát Điều tra trả lại tài sản trộm cắp vào ngày 21/10/2022, không yêu cầu phải bồi thường thêm gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T, chị Lò Thị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã vay. Xét đây là sự tự nguyện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định của pháp luật, HĐXX căn cứ các Điều 584, Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự chấp nhận ý kiến của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ là chiếc xe máy kiểm soát 27Z1-221.12 đã được trả lại cho chủ sở hữu Lò Thị L vào ngày 21/10/2022, chị L nhất trí không có ý kiến gì khác.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Song xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo chỉ làm nông nghiệp, bị cáo không có tài sản, là người nghiện ma túy nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Các vấn đề khác: Đối với Lò Văn T và Lò Thị T quá trình điều tra không biết chiếc xe máy bị cáo gửi tại nhà để làm tin là tài sản có nguồn gốc trộm cắp nên anh T, chị T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX không có căn cứ xử lý đối với anh Lò Văn T và chị Lò Thị T.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;**

**Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;**

**1. Về tội danh:** Bị cáo Lương Văn L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Hình phạt:** Xử phạt bị cáo Lương Văn L: 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 21/9/2022.

**3. Trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận việc bị hại chị Lò Thị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T, chị Lò Thị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo đã vay.

**4. Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*Ngày 14/12/2022*); bị hại chị Lò Thị L được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T, chị Lò Thị T được kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Tuần G;
- Công an huyện Tuần G (3);
- Sở Tư pháp tỉnh Điện B;
- THA DS TG, THA HS;
- Bị cáo; bị hại; NCQL, NVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình H**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM**

**HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tuấn**

**Trịnh Quyết Thắng**

**Lê Đình Hà**









**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM**

**HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Lâm**

**Phạm Hữu Chiến**

**Lê Đình Hà**









